

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H
THÀNH PHỐ Đ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2024/HS-ST

Ngày: 11.7.20024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN H THÀNH PHỐ Đ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Ngô Thị Hữu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Tùng

Ông Phạm Công Lương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lành - Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Hồ Thị Bích Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 65/2024/HS-ST ngày 27 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2024/HSST-QĐ ngày 10 tháng 6 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa ngày 27 tháng 6 năm 2024 đối với bị cáo:

L. Tên gọi khác: B. Sinh ngày: 18/09/1997 tại thành phố Đ. Nơi thường trú: K354/01 đường T, tổ 25, phường B, quận H, thành phố Đ. Nghề nghiệp: Không. Trình độ học vấn: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam. Con ông L, sinh năm 1969 và bà D, sinh năm 1972. Bị cáo là con duy nhất.

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú và tạm hoãn xuất cảnh. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

Bị hại:

- Anh Đ. Sinh năm 2004. Địa chỉ: K44/02 Đ, phường C, quận T, thành phố Đ. Vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Anh T. Sinh năm: 2002. Địa chỉ: 226 T, phường T, quận T, thành phố Đ.
Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 30.11.2023, L đến khu vực vỉa hè trước Cung thể thao T đường P, phường H, quận H, thành phố Đ để chơi, phát hiện trên vỉa hè có 01 xe máy nhãn hiệu Honda Airblade màu đỏ, trên xe đang để 01 chiếc balo nhãn hiệu Alex bằng vải, màu đen của anh Đ. Quan sát xung quanh không thấy người trông coi nên L nhanh chóng tiếp cận lấy chiếc balo rồi đi đến gốc cây cách vị trí lấy balo khoảng 2m, L mở balo phát hiện bên trong có 01 máy tính xách tay nhãn hiệu Macbook Air M1 màu bạc, số sê ri C02K55LCQ6L4, 01 căn cước công dân, giấy phép lái xe, thẻ sinh viên của anh Đ. L vớt các giấy tờ trên tại gốc cây rồi đem balo cùng máy tính rời khỏi hiện trường. Đến tối cùng ngày L đem tài sản trộm cắp đến tiệm cầm đồ “K” trên đường T, thành phố Đ, tại đây L nói với anh T chiếc máy tính xách tay là của mình, do đang có người nhà nằm viện nên cần tiền và chỉ cầm với giá 1.000.000 đồng vài ngày sau sẽ quay lại chuộc máy. Tin lời L nên anh G đã tự lấy tiền của mình đưa cho L và giữ lại máy tính trên. Sau khi lấy được tiền, L nhanh chóng bỏ đi cùng chiếc balo. Trên đường đi L vớt chiếc balo dọc đường hiện không thu giữ được. Chờ không thấy L quay lại chuộc máy, nghi ngờ máy do trộm cắp nên anh G đã mang máy tính trên đến Cơ quan Công an quận H để giao nộp.

Ngày 19.02.2024, L được Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an quận H mời về trụ sở làm việc, L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Số tiền cầm máy tính 1.000.000 đồng L đã tiêu xài hết.

Vật chứng thu giữ:

01 máy tính xách tay hiệu Macbook Air M1 màu bạc, số sê ri C02K55LCQ6L4, Model A2337 EMC 3598 FCC ID: BCGA2337 and IC:579C-A2337 và 01 giấy A4 in hình L.

Theo Kết luận định giá tài sản số 01/KL-HĐĐG ngày 11.01.2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, UBND quận H kết luận:

Chiếc Laptop hiệu Macbook nêu trên trị giá 14.345.000 đồng.

Theo Kết luận định giá tài sản số 18/KL-HĐ ĐG ngày 14.3.2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự, UBND quận H kết luận:

Chiếc balo hiệu Alex màu đen, kích thước 40x30x20cm trị giá 120.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H đã trả lại máy tính nêu trên cho anh Đ.

Về dân sự: Anh Đ đã nhận lại tài sản là máy tính, không yêu cầu bồi thường gì thêm. Anh T yêu cầu L trả cho anh 1.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt, Tòa án đã tiến hành công bố lời khai của những người này có trong hồ sơ vụ án. Lời khai của bị hại, người liên quan được bị cáo L xác nhận là đúng.

Tại Cáo trạng số 67/CT- VKS ngày 24.5.2024 của Viện Kiểm sát nhân dân quận H, thành phố Đ đã truy tố bị cáo L về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo L, đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo L từ 06 tháng tù đến 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

Quá trình điều tra, tại phiên tòa, bị cáo L đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp như trên, lời khai nhận của L phù hợp với vật chứng thu giữ, lời khai của bị hại và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Xét thấy hồ sơ đã thu thập đầy đủ ý kiến, lời khai của họ nên sự vắng mặt của những người này không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa không

có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Về tội danh: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội, lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm và diễn biến của quá trình bị cáo thực hiện hành vi phạm tội. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để kết luận:

Khoảng 16 giờ 45 phút ngày 30.11.2023, tại vỉa hè trước khu vực Cung thể thao T, phường H, quận H, thành phố Đ, L đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 balo hiệu Alex màu đen, kích thước 40x30x20cm trị giá 120.000 đồng bên trong có 01 chiếc máy tính xách tay hiệu Macbook Air M1 màu bạc, số sê ri C02K55LCQ6L4, Model A2337 EMC 3598 FCC ID: BCGA2337 and IC:579C-A2337 trị giá 14.345.000 đồng của anh Đ, tổng trị giá tài sản 14.465.000 đồng. Do đó Cáo trạng số 67/CT- VKS ngày 24.5.2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận H, thành phố Đ truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về tình tiết tăng nặng: Không.

Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, do vậy cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ Luật hình sự đối với bị cáo.

[5] Về quyết định hình phạt: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp quyền sở hữu tài sản của công dân nên cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: anh Đ đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với anh T: Anh T có hành vi cầm cố máy tính xách tay do L trộm cắp được nhưng anh T không biết tài sản này do L trộm cắp mà có nên cơ quan Cảnh sát điều tra không xử lý là có căn cứ.

Đối với số tiền 1.000.000 đồng bị cáo L chưa trả cho anh T nên buộc bị cáo phải trả số tiền trên cho anh T.

[7] Về xử lý vật chứng: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận H đã trả lại máy tính nêu trên cho anh Đ.

[8] Chấp nhận đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân quận H về tội danh và mức hình phạt đối với bị cáo.

[9] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo L phạm tội “Trộm cắp tài sản” .

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo L 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tự nguyện hoặc bắt thi hành án.

2. Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo L phải trả cho anh T 1.000.000 đồng

3. Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bị cáo L phải chịu 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận :

- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- VKSND Quận H;
- Chi cục THADS quận H;
- Lưu hồ sơ, VT.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ngô Thị Hữu

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ- THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA